

Số: 1569/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chương trình đào tạo Kiểm toán
thuộc ngành Kiểm toán trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị Quyết số 11/NQ-HĐHVCSPT ngày 24/4/2025 của Hội đồng học viện Học viện Chính sách và Phát triển sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Biên bản ngày 11/12/2025 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện Chính sách và Phát triển thông qua chương trình đào tạo Kiểm toán trình độ đại học ngành Kiểm toán;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Khoa Kế toán – Kiểm toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo Kiểm toán thuộc ngành Kiểm toán trình độ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển. (Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này được áp dụng đào tạo cho các sinh viên đại học từ khoá tuyển sinh năm 2026 (Khoá 17) tại Học viện Chính sách và Phát triển.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Kế toán – Kiểm toán, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đơn vị thuộc HV;
- Lưu: VT, QLĐT (4b).


GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ
PHÁT TRIỂN

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HVCSPT ngày .../.../2025
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Ngành đào tạo: **KIỂM TOÁN**
Mã số: **7340302**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy ngành Kiểm toán đào tạo cử nhân kiểm toán theo định hướng kết hợp ứng dụng và nghiên cứu, sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức toàn diện về kinh tế, tài chính và kiến thức chuyên sâu về kiểm toán; Có năng lực tổ chức, thực hiện và phân tích, hoạch định, ra quyết định về các hoạt động kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp, đơn vị; thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động và những thách thức của cách mạng công nghiệp và toàn cầu hóa. Chương trình cũng góp phần rèn luyện sinh viên có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm với xã hội, có đạo đức nghề nghiệp và có năng lực học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành kiểm toán hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

PO 1: Người học sẽ đạt được sự hiểu biết các kiến thức nền tảng chính trị, xã hội, kinh tế, kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán kiểm toán trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp

PO 2: Vận dụng được sự hiểu biết các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, cũng như kiến thức chuyên môn sâu về kiểm toán để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán.

PO 3: Thể hiện được năng lực ứng dụng kiến thức để thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực kiểm toán.

PO 4: Có kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa, khả năng làm việc độc lập, giao tiếp hiệu quả trong công việc, có thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm nghề nghiệp.

1.3. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification), ICDL (International Computer Driving Licence) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist); sử dụng Tin học một cách thành thạo để giải quyết vấn đề hiệu quả trong thực tiễn, đặc biệt là sử dụng các công cụ phân tích, xử lý dữ liệu ở mức độ chuyên sâu.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự hoạch định kế hoạch đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Có khả năng nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn như chương trình đào tạo sau đại học.

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kiểm toán sau khi ra trường có nhiều cơ hội nghề nghiệp tại các cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán... trong nước và quốc tế thuộc nhiều lĩnh vực như:

- Làm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đảm nhận các công việc chuyên môn tại các Cơ quan Bộ, ngành trung ương, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, UBND tỉnh thành phố trong các lĩnh vực quản lý như: Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước, Ngân sách, Kho bạc, Thuế, Hải quan, Chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm, Đầu tư, quản lý thị trường... từ trung ương đến địa phương; các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị có sử dụng Ngân sách Nhà nước.
- Làm việc ở các vị trí nhân sự quản lý, cán bộ phòng ban chức năng như: tài chính - kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng... trong các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, từ trung ương đến địa phương.
- Khởi nghiệp: trong lĩnh vực dịch vụ kế toán, tư vấn tài chính, thuế và các lĩnh vực liên quan.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp CTĐT Kiểm toán, ngành Kiểm toán có thể làm

giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh nói chung và kế toán - kiểm toán nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu,

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1.1. Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam; hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách và vận dụng vào giải thích các tình huống thực tiễn kinh tế - xã hội.

PLO 1.2: Vận dụng được các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

PLO 1.3: Vận dụng được các kiến thức về tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán để giải quyết được các vấn đề cơ bản về kế toán, kiểm toán.

PLO1.4: Phân tích và đánh giá về việc áp dụng các quy định, chính sách, nguyên tắc, phương pháp kế toán, kiểm toán để tư vấn cho khách thể kiểm toán.

PLO 1.5: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán và các loại hình kiểm toán cho các đơn vị khác nhau; thực hiện phân tích, đánh giá các vấn đề để đưa ra các khuyến nghị cho đơn vị được kiểm toán phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

PLO1.6: Phân tích được rủi ro, gian lận, sai sót trong quá trình thực hiện kiểm toán, qua đó đưa ra ý kiến kiểm toán và tư vấn cho khách thể kiểm toán hoặc khuyến nghị với các bên liên quan (nếu có)

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 2.1. Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và có kỹ năng trong sử dụng các phần mềm Microsoft office: Word, Excel, Powerpoint, các phần mềm kế toán, kiểm toán.

PLO 2.2. Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong công tác kế toán và trong các giai đoạn của một cuộc kiểm toán

PLO 2.3. Có kỹ năng phản biện về việc áp dụng các phương pháp, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, kiểm toán, tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán.

PLO 2.4. Có khả năng làm việc nhóm, viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn; nghiên cứu, tư duy logic, tư duy phản biện thích ứng trong môi trường luôn biến động.

2.3. Chuẩn đầu ra năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

PLO 3.1: Thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.

PLO 3.2: Năng lực làm việc độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động chuyên môn.

2.2. Ma trận PI (Performance Indicator)

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
PLO 1.1. Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam; hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách và vận dụng vào giải thích các tình huống thực tiễn kinh tế - xã hội.	PI 1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn
	PI 1.1.2	Trình bày được quy trình xây dựng và thực thi chính sách trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; phân tích được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế - xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2: Vận dụng được các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	PI 1.2.1	Vận dụng được kiến thức toán, thống kê, phương pháp nghiên cứu vào giải bài toán kinh tế, tìm điểm tối ưu trong kinh doanh.
	PI 1.2.2	Vận dụng nguyên lý của kinh tế học, lý thuyết về kinh tế thị trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phân tích, bình luận được các tình huống kinh tế - xã hội.
PLO 1.3: Vận dụng được các kiến thức về tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán để giải quyết được các vấn đề cơ bản về kế toán, kiểm toán.	PI 1.3.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về tài chính, kế toán, kiểm toán để lập và trình bày báo cáo tài chính của các đơn vị theo các quy định hiện hành.
	PI 1.3.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính ngân hàng để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

<p>PLO1.4: Phân tích và đánh giá về việc áp dụng các quy định, chính sách, nguyên tắc, phương pháp kế toán, kiểm toán đề tư vấn cho khách thể kiểm toán.</p>	<p>PI 1.4.1</p>	<p>Vận dụng được kiến thức ngành về kế toán, kiểm toán, kiểm soát vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán và các loại hình kiểm toán cho các đơn vị khác nhau</p>
	<p>PI 1.4.2</p>	<p>Phân tích được mức độ phù hợp của việc áp dụng chính sách và phương pháp kế toán của đơn vị với yêu cầu pháp lý; chỉ ra được điểm đúng – sai – rủi ro trọng yếu.</p>
<p>PLO 1.5: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán và các loại hình kiểm toán cho các đơn vị khác nhau; thực hiện phân tích, đánh giá các vấn đề để đưa ra các khuyến nghị cho đơn vị được kiểm toán phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.</p>	<p>PI 1.5.1</p>	<p>Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán và các loại hình kiểm toán cho các đơn vị khác nhau</p>
	<p>PI 1.5.2</p>	<p>Phân tích, đánh giá các vấn đề để đưa ra các khuyến nghị cho đơn vị được kiểm toán phù hợp với từng bối cảnh cụ thể</p>
<p>PLO1.6: Phân tích được rủi ro, gian lận, sai sót trong quá trình thực hiện kiểm toán, qua đó đưa ra ý kiến kiểm toán và tư vấn cho khách thể kiểm toán hoặc khuyến nghị với các bên liên quan (nếu có)</p>	<p>PI 1.6.1</p>	<p>Phân tích được tác động của các rủi ro/sai sót lên BCTC, từ đó hình thành ý kiến kiểm toán phù hợp.</p>
	<p>PI 1.6.2</p>	<p>Đề xuất một số khuyến nghị, tư vấn cho khách thể kiểm toán phù hợp với chuẩn mực và luật pháp: cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, điều chỉnh chính sách kế toán, hoàn thiện hồ sơ,...</p>

PLO 2.1. Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và có kỹ năng trong sử dụng các phần mềm Microsoft office: Word, Excel, Powerpoint, các phần mềm kế toán, kiểm toán.	PI 2.1.1	Thực hành được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc
	PI 2.1.2	Sử dụng các phần mềm Microsoft office: Word, Excel, Powerpoint, các phần mềm kế toán, kiểm toán phục vụ cho công việc
PLO 2.2. Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong công tác kế toán và trong các giai đoạn của một cuộc kiểm toán	PI 2.2.1	Biết cách tư duy hệ thống để nhận diện, mô tả mối quan hệ giữa các nghiệp vụ kế toán, báo cáo tài chính và các quy trình kiểm toán
	PI 2.2.2	Biết cách phân tích, đánh giá các thông tin kế toán, kiểm toán để xác định các thông tin tiềm ẩn sai sót.
PLO 2.3. Có kỹ năng phân biện về việc áp dụng các phương pháp, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, kiểm toán, tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán.	PI 2.3.1	Biết cách phân biện, lý giải được các ưu nhược điểm điều kiện vận dụng cũng như sự khác biệt giữa các phương pháp, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, kiểm toán
	PI 2.3.2	Biết cách phân tích, đánh giá để đề xuất các giải pháp phù hợp để hoàn thiện hệ thống kiểm soát, hệ thống kế toán.
	PI 2.4.1	Có kiến thức về nghiên cứu khoa học: hình thành được ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết; hình thức và cấu trúc đề cương của một đề tài nghiên cứu

PLO 2.4. Có khả năng nghiên cứu, làm việc nhóm, viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn; nghiên cứu, tư duy logic, tư duy phản biện thích ứng trong môi trường luôn biến động.	PI 2.4.2	Biết cách quản trị thời gian cá nhân; Làm việc nhóm; Thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.
PLO 3.1: Thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.	PI 3.1.1	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.
	PI 3.1.2	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ
PLO 3.2: Năng lực làm việc độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động chuyên môn.	PI 3.2.1	Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; Tinh thần tự chịu trách nhiệm; Trung thực; thái độ hợp tác; Sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.
	PI 3.2.2	Làm việc độc lập trong các môi trường khác nhau và thích ứng với sự thay đổi của môi trường.

2.3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của chương trình đào tạo			
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4
PLO 1.1	PLO 1.1. Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin và của Đảng cộng sản Việt Nam; hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách và vận dụng vào giải thích các	x			

	tình huống thực tiễn kinh tế - xã hội.				
PLO 1.2	PLO 1.2: Vận dụng được các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	x	x		x
PLO 1.3	PLO 1.3: Vận dụng được các kiến thức về tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán để giải quyết được các vấn đề cơ bản về kế toán, kiểm toán.		x	x	
PLO 1.4	PLO1.4: Phân tích và đánh giá về việc áp dụng các quy định, chính sách, nguyên tắc, phương pháp kế toán, kiểm toán để tư vấn cho khách thể kiểm toán.		x	x	
PLO 1.5	PLO 1.5: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát vào tổ chức và thực hiện công tác kế toán và các loại hình kiểm toán cho các đơn vị khác nhau; thực hiện phân tích, đánh giá các vấn đề để đưa ra các khuyến nghị cho đơn vị được kiểm toán phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.		x	x	x
PLO 1.6	PLO1.6: Phân tích được rủi ro, gian lận, sai sót trong quá trình thực hiện kiểm toán, qua đó đưa ra ý kiến kiểm toán và tư vấn cho khách thể kiểm toán hoặc khuyến nghị với các bên liên quan (nếu có)		x		x
PLO 2.1	PLO 2.1. Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và có kỹ năng trong sử dụng các phần mềm Microsoft office: Word, Excel, Powerpoint, các phần mềm kế toán, kiểm toán.			x	x
PLO 2.2	PLO 2.2. Có kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong công tác kế			x	x

	toán và trong các giai đoạn của một cuộc kiểm toán				
PLO 2.3	PLO 2.3. Có kỹ năng phân biện về việc áp dụng các phương pháp, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, kiểm toán, tham mưu tư vấn cho các nhà quản lý trong việc thiết lập, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán.			X	X
PLO 2.4	PLO 2.4. Có khả năng làm việc nhóm, viết báo cáo và thuyết trình, trả lời phỏng vấn chuyên môn; nghiên cứu, tư duy logic, tư duy phân biện thích ứng trong môi trường luôn biến động				X
PLO 3.1	PLO 3.1: Thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.				X
PLO 3.2	PLO 3.2: Năng lực làm việc độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm cá nhân đối với hoạt động chuyên môn.				X

5. Thời gian đào tạo: 3,5 - 4 năm
6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 tín chỉ
7. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo, quy định của Học viện
9. Thang điểm: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 tín chỉ

Nội dung	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	33	27%
2. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CỐT LÕI NGÀNH	57	46%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	30	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	21	
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	
2.2. Kiến thức cốt lõi ngành	27	
2.2.1. Cốt lõi ngành bắt buộc	18	
2.2.2. Cốt lõi ngành tự chọn	9	
3. KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU	24	19%
4. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	10	8%
4.1. Thực tập tốt nghiệp	4	
4.2. Khóa luận tốt nghiệp	6	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	124	100%

11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC, GDQP, TACB và THĐC)			33	
1.1. Lý luận chính trị				
1	THCN06	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2
2	THML04	Triết học Mác- Lênin	3	1
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
	THKT05	Kinh tế chính trị Mac - Lê Nin	2	3
1.2. Khoa học xã hội – nhân văn, toán, công nghệ				
5	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
6	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
7	TOLT07	Lý thuyết xác suất thống kê	3	3
8	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
9	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
10	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
1.3. Ngoại ngữ, Tin học (học phần điều kiện không tính vào điểm TBC)				
11	TOĐC06	Tin học đại cương *		1
12	TACB1	Tiếng Anh cơ bản 1*		1
13	TACB2	Tiếng Anh cơ bản 2*		2
14	TACB3	Tiếng Anh cơ bản 3*		3
15	TACB4	Tiếng Anh cơ bản 4*		4
1.4. Giáo dục quốc phòng				
19	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*		
1.5. Giáo dục thể chất				
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1*		1
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2*		2
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3*		3
2. Kiến thức bổ trợ				
16	TAB1	Tiếng Anh B1	4	5
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng*	3	2
3. Kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành			57	
3.1. Kiến thức cơ sở ngành			30	
3.1.1 Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc (21 tín chỉ)			21	
1	CSC11	Chính sách công	3	4
2	KTCB01	Kiểm toán căn bản	3	6
3	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
4	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	4
5	TCTT24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3
6	PTDL31	Ứng dụng AI trong kinh tế và kinh doanh	3	5

7	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	4
3.1.2	Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn (9 tín chỉ)		9	
1	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
2	TCDN22	Tài chính doanh nghiệp	3	4
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	5
4	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
5	QTHO06	Quản trị học	3	3
6	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
8	TCTH11	Thuế	3	6
3.2	Kiến thức cốt lõi ngành		27	
3.2.1	Kiến thức cốt lõi ngành bắt buộc (18 tín)		18	
1	TCPT08	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	7
2	TCKH04	Kế toán tài chính 1	3	5
3	TCKQ01	Kế toán quản trị 1	3	5
4	KKTC1	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	4	5
5	KKTC	Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	3	6
6	KKCD	Chuyên đề thực tế	2	6
3.2.2	Kiến thức cốt lõi ngành lựa chọn (9 tín chỉ)		9	
1	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	4
2	NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	3	5
3	KKKS03	Kiểm soát nội bộ	3	7
4	TCĐG01	Định giá tài sản	3	5
5	KKQT10	Chuẩn mực kế toán quốc tế	3	5
6	ACFI07	Kế toán tập đoàn	3	6
7	KKDN	Kế toán các doanh nghiệp tài chính đặc thù	3	6
8	ACAD07	Kế toán quản trị 2	3	7
9	ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	3	5
4.Kiến thức chuyên sâu			24	
4.1	Kiến thức chuyên sâu bắt buộc (15 tín chỉ)		15	
1	KKTH13	Kế toán thuế	3	7
2	KKBC14	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3	7
3	KKHĐ15	Kiểm toán hoạt động	3	7
4	KKSO16	Kiểm toán trong môi trường số	3	7
5	KKNB17	Kiểm toán nội bộ	3	6
4.2	Kiến thức chuyên sâu lựa chọn (9 tín chỉ)		9	
1	KKDD18	Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán	3	5
2	KKXD19	Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản	3	7
3	KKCM20	Chuẩn mực kiểm toán Việt nam	3	5
4	KKSO21	Kế toán trong môi trường số	3	7
5	KKNH22	Kế toán ngân hàng thương mại	3	6
6	KKHC23	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	6
7	KKNS24	Kiểm toán ngân sách nhà nước	3	6

5	Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp		10	
1	KKTN	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KKKL	Khóa luận tốt nghiệp	6	8

(Những học phần đánh dấu * là những học phần không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT)

12. Đối sánh chương trình đào tạo khác

X: Học phần có nội dung tương thích

C (Close): Học phần có nội dung gần

Mã HP	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
THML04	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	X	X	X		
THLD07	Triết học Mác- Lênin	X	X	X		
THCN06	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X		
THKT05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X	X	X		
THTT02	Pháp luật đại cương	X	X	X		
KHMI01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X	X		C
KHMA02	Tin học đại cương	X	X	X		C
PPNC01	Toán cao cấp			C		
MATH01	Kinh tế chính trị Mac - Lê Nin	X	X	X		
LUĐC01	Lý thuyết xác suất thống kê	X	X	X		
KTVM1	Kinh tế vi mô 1			X		
KTVM1	Kinh tế vĩ mô 1			X		
TAB1	Tiếng anh B1	X	X	X		
TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1 *	X	X	X		
TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	X	X	X		
TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	X	X	X		

TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	X	X	X		
QTKN01	Phát triển kỹ năng*	X	X	X		
GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	X	X			

GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	X				
GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	X				
GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	X				
CSC11	Chính sách công	X	X	X		
KTCB01	Kiểm toán căn bản					C
TCKT01	Nguyên lý kế toán	X	X			
LUKT02	Pháp luật kinh tế		C	X		C
TCTT24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	X				C
PTDL31	Ứng dụng AI trong kinh tế và kinh doanh	C	C	C	C	
QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo					
TOKT05	Kinh tế lượng	X				
TCDN22	Tài chính doanh nghiệp				C	
TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế					
QTMC02	Marketing căn bản	C	C ⁹⁸	C		
QTHO06	Quản trị học				X	
TCCK25	Thị trường chứng khoán	X				
TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	X	X	X		
TCTH11	Thuế	X	X	X		
TCPT08	Phân tích tài chính doanh nghiệp	X	X	X		
TCKH04	Kế toán tài chính	X	X	X		

TCKQ01	Kế toán quản trị 1	X	X	X		
KKTC1	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	X	X	X		

KKTC	Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính	C	X	X		
KKCD	Chuyên đề thực tế		C			
TCCN01	Công nghệ tài chính			C	X	
NNKD05	Tiếng anh trong kinh doanh	X	X	X		
KKKS03	Kiểm soát nội bộ	C	X	C		C
TCDG01	Định giá tài sản	X	X		C	C
KKQT10	Chuẩn mực kế toán quốc tế				C	C
ACFI07	Kế toán tập đoàn	C	X	X		
KKĐT12	Kế toán các doanh nghiệp tài chính đặc thù	C	C	C		
ACAD07	Kế toán quản trị 2	X	X	C	C	C
ACIF02	Hệ thống thông tin kế toán	X	X			
KKTH13	Kế toán thuế	C	X	X		
KKBC14	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	C	X	X		
KKHD15	Kiểm toán hoạt động	X	X	X		
KKSO16	Kiểm toán trong môi trường số	X	C	X		
KKNB17	Kiểm toán nội bộ	C	X	C		
KKDD18	Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán	X	X	X		
KKXD19	Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản	X	X	C	X	C
KKCM20	Chuẩn mực kiểm toán Việt nam			C		
KKSO21	Kế toán trong môi trường số	X	X	X		

KKNH22	Kế toán ngân hàng thương mại	X	X	X		
KKHC23	Kế toán hành chính sự nghiệp	X	X	X		
KKTN	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X
KKKL	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X

Ký hiệu	CTĐT đối sánh	Địa chỉ tham chiếu
CT1	Học viện Tài chính	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán
CT2	Đại học Kinh tế Quốc dân	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán
CT3	Đại học Thương mại	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán 100
CT4	Oxford Brookes University	Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Digital Kiểm toán của Oxford Brookes University, UK

CT5	University of New England	Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Digital Kiểm toán của University of New England, Úc
-----	------------------------------	---

13. Hướng dẫn thực hiện

- ❖ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- ❖ Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Học viện đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.
- ❖ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- ❖ Khi sinh viên hoàn thành trình độ năm thứ nhất, nếu đạt các điều kiện theo yêu cầu của Quy định sinh viên đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của Học viện.
- ❖ Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung đạt được chuẩn đầu ra (CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần./.

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



TS. Mai Thị Hoa

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Nguyễn Thế Vinh